

TÊN: LỚP:

TUẦN 23 : VẼ ĐOẠN THẲNG CÓ ĐỘ DÀI CHO TRƯỚC

1/ Vẽ đoạn thẳng có độ dài :

5 cm :

7 cm :

2 cm :

9 cm :

2/ Giải bài toán theo tóm tắt sau :

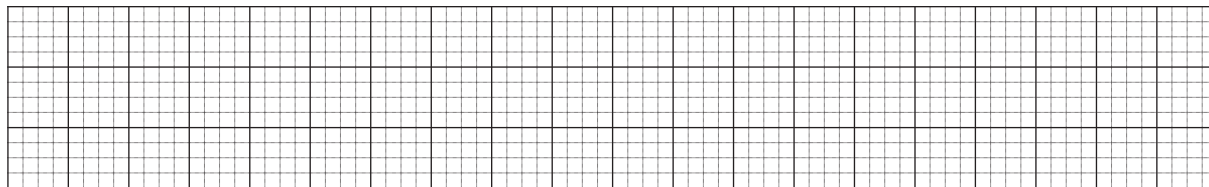
Tóm tắt

Đoạn thẳng AB : 5 cm

Đoạn thẳng BC : 3 cm

Cả hai đoạn thẳng : cm ?

Bài giải



3/ Vẽ các đoạn thẳng AB, BC có độ dài nêu trong bài 2.

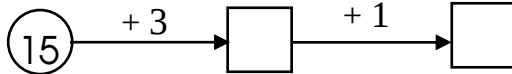
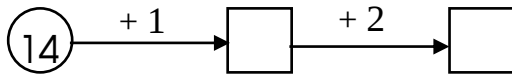
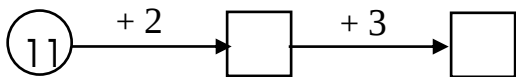
TÊN: _____

LỚP: _____

LUYỆN TẬP CHUNG

1/ Điền số từ 1 đến 20 vào ô trống :

2/ Điền số thích hợp vào ô trống :



3/ Một hộp có 12 bút xanh và 3 bút đỏ. Hỏi hộp đó có tất cả bao nhiêu cái bút ?

Bài giải

[illegible]

4/ Điền số thích hợp vào ô trống (theo mẫu) :

13	1	2	3	4	5	6
	14					

12	4	1	7	5	2	0
	16					

TÊN: LỚP:

LUYỆN TẬP CHUNG

1/ Tính :

a) $12 + 3 =$ $15 + 4 =$ $8 + 2 =$ $14 + 3 =$
 $15 - 3 =$ $19 - 4 =$ $10 - 2 =$ $17 - 3 =$

b) $11 + 4 + 2 =$ $19 - 5 - 4 =$ $14 + 2 - 5 =$

2/

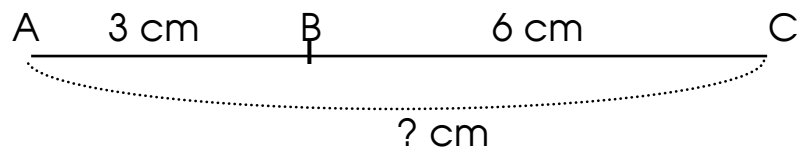
a) Khoanh vào số lớn nhất : 14, 18, 11, 15

b) Khoanh vào số bé nhất : 17, 13, 19, 10

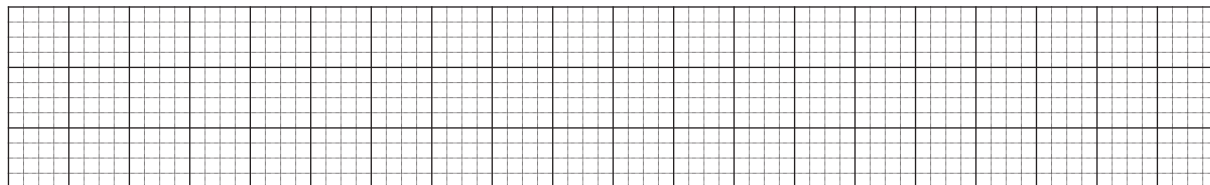
3/ Vẽ đoạn thẳng có độ dài 4 cm.

.....

4/ Đoạn thẳng AB dài 3 cm và đoạn thẳng BC dài 6 cm. Hỏi đoạn thẳng AC dài mấy xăng-ti-mét ?



Bài giải



TÊN: LỚP:

CÁC SỐ TRÒN CHỤC

1/ Viết (theo mẫu):

a)

VIẾT SỐ	ĐỌC SỐ
20	hai mươi
10	
90	
70	

ĐỌC SỐ	VIẾT SỐ
Sáu mươi	60
Tám mươi	
Năm mươi	
Ba mươi	

b) Ba chục : 30
Tám chục :
Một chục :

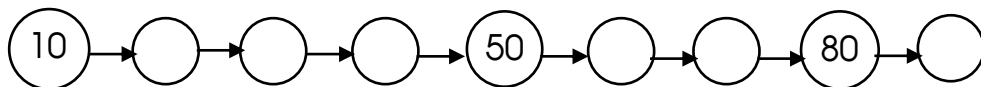
Bốn chục :
Sáu chục :
Năm chục :

c) 20 : hai chục
70 : chục
90 : chục

50 :
80 :
30 :

2/ Số tròn chục ?

a)



b)

90			60					10
----	--	--	----	--	--	--	--	----

3/ >, <, = :

20 10
30 40
50 70

40 80
80 40
40 40

90 60
60 90
90 90

